TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BĐ, TỈNH BĐ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/DS - ST

Ngày: 02/ 3 /2018

V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BĐ, TỈNH BĐ

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Văn Tháo-Thẩm phán.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Tuấn Khanh;

2. Ông Võ Văn Hoàng.

- *Thư ký Tòa án phiên tòa:* Ông Trần Minh Quyền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh BĐ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh BĐ tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Kim Ngân-Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BĐ xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý 201/2017/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2017 về "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXX - ST ngày 16 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. N đơn: **Nguyễn Thị Ngọc N**, sinh năm 1971 (Có mặt)

Địa chỉ Ấp PL, xã PT, huyện BĐ, tỉnh BĐ.

2. Bị đơn: **Trương Kim L**, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp PL, xã PT, huyện BĐ, tỉnh BĐ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/8/2017 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay, N đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N bày như sau:*

Vào năm 2015, bà Nguyễn Thị Ngọc N có làm chủ 01 dây hụi có bà Trương Kim L là hụi viên.

Hụi khởi khui vào ngày 10/01/2016 âm lịch bà L tham gia chơi 03 phần, gồm 24 phần, hụi mệnh giá 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần, khui vào 10 âm lịch hàng tháng. Dây hụi này đến tháng thứ 3 bà L đã hốt 01 phần, sau khi hốt

hụi bà L chỉ đóng được 01 lần hụi. Từ tháng thứ 5, bà L ngưng đóng hụi. Dây hụi này bà N chòang cho bà L 19 tháng hụi với số tiền là 19.000.000 đồng. Còn 02 phần hụi sống bà L chỉ đóng được 04 tháng hụi với số tiền vốn là 4.900.000 đồng, sau đó tháng thứ 5 bà L không tiếp tục đóng hụi sống hai phần hụi này nữa.

Tại lần khui hụi tháng thứ 5, bà L đề nghị hốt hụi, nhưng các hụi viên nói bà L đã hốt rồi các hụi viên sợ bà L hốt hụi không đóng hụi nữa, nên bà N cho bà L hốt hụi khi bà L đóng đóng được nữa chừng hụi. Sau đó bà L nói phá huề, không đóng hụi nữa.

Tháng thứ 5, bà L không có đóng hụi nữa, tôi không có tiền để đóng hụi cho bà L.Đến tháng thứ 6, bà N có nhờ ông Tèo Em (thường gọi là Hùng) đóng 02 phần hụi sống cho bà L, ông Tèo Em đưa bà N số tiền 4.900.000 đồng là số tiền ở 02 phần hụi sống mà bà L đã đóng trước đây, bà N lấy số tiền 4.900.000 đồng này đóng vào phần hụi chất cho bà L.

Sau khi bà L tuyên bố phá huề thì bà N có gặp bà L một lần nhưng chỉ cãi nhau, không có thỏa thuận để giải quyết mâu thuẫn đối với hụi trên.

Trong giấy hụi ghi 03 phần nhưng do phía bà L xin phá huề 02 phần hụi chưa hốt, chỉ chơi 01 phần thôi là phần hụi bà đang khởi kiện.

Bà N đồng ý trừ số tiền 4.900.000 đồng mà bà L đóng tại 02 phần hụi chưa hốt vào số tiền 19.000.000 đồng

Nên nay bà N chỉ yêu cầu bà Trương Kim L trả số tiền nợ hụi là 14.100.000 đồng, bà N không yêu cầu trả lãi.

** Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 27/11/2017 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ, bà Trương Kim L là bị đơn trình bày như sau:*

Bà L thừa nhận có tham gia chơi hụi theo bà Nguyễn Thị Ngọc N làm chủ. Dây hụi khui vào ngày 10/01/2016 âm lịch, bà L tham gia chơi 03 phần, gồm 24 phần, hụi mệnh giá 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần, khui vào 10 âm lịch hàng tháng. Dây hụi này đến tháng thứ 3 bà L đã hốt hụi 01 phần, bà N giao tiền đầy đủ, còn 02 phần hụi sống, tháng thứ 4 bà L vẫn đóng hụi sống và hụi chết. Từ tháng thứ 5, bà L ngưng đóng hụi. Đến tháng khui thứ 5, thì bà N nói không cho bà L hốt hụi, nhưng bà L không có yêu cầu hốt, bà L không có nói phá huề, bà L không có trực tiếp nghe bà N nói phá huề, bà L chỉ nghe hụi viên khác nói là bà N bán hụi của bà rồi.

Sau khi bà L nghe hụi viên khác nói là bà N bán hụi của bà thì bà có gặp bà N nhưng hai bên chỉ cãi nhau chứ không thỏa thuận được về việc giải quyết mua thuẫn trên.

Tuy số tiền thống nhất phần hụi đã hốt bà L còn nợ bà N số tiền là 19.000.000 đồng, nhưng phải trừ số tiền bà L đã đóng là 8.000.000 đồng còn lại 11.000.000 đồng nhưng bà L không đồng ý trả số tiền này cho bà N, lý do chủ hụi là bà N lúc đầu không đồng ý trả 02 đầu hụi sống cho bà nên bà không đồng ý trả số tiền 11.000.000 đồng cho bà N.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng:

Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định.

N đơn chấp hành tốt nghĩa vụ theo Điều 70, 71Bộ luật tố tụng dân sự . Bị đơn tại phiên tòa vắng mặt không chấp hành quy định Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ vào Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc N đối với bà Trương Kim L về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi. Buộc bà Trương Kim L phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc N số tiền hụi là 14.100.000 đồng. Ghi nhận bà N không yêu cầu tính lãi số tiền nợ trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại Tòa, lời trình bày của N đơn, phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Bà Trương Kim L là bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp L đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dụng:*

[1] Xét thấy rằng, việc chơi hụi giữa bà Nguyễn Thị Ngọc N và bà Trương Kim L được hai bên thừa nhận, và được thiết lập trên tinh thần tự nguyện.

[2] Xét dây hụi khui ngày 10/01/2016 âm lịch Nguyễn Thị Ngọc N, hụi mệnh giá 1.000.000 đồng. trong quá trình giải quyết vụ án đã thống nhất số tiền nợ hụi, bà L còn nợ bà N một phần hụi đã hốt số tiền là 19.000.000 đồng nên đây được xem là cơ sở pháp lý, là chứng cứ không cần chứng minh, phù hợp với Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được công nhận.

[3] Tuy nhiên, trong dây hụi khui ngày 10/01/2016 âm lịch bà L cho rằng đã hốt 01 phần với số tiền 19.000.000 đồng và 02 phần còn lại bà đã đóng vốn cho bà N 04 phần là 4.900.000 đồng, số tiền 4.900.000 đồng phải bằng số tiền hụi chết mỗi phần là 1.000.000 đồng, đóng 4 lần phải tính bằng số tiền hụi chết với số tiền là 8.000.000 đồng, và phải khấu trừ vào số tiền hụi mà bà L đã hốt 19.000.000 đồng nên bà chỉ còn nợ bà N là 11.000.000 đồng. Nhưng do bà N tự động phá huề nên bà cũng không đồng ý trả cho bà N số tiền là 11.000.000 đồng.

[4] Bà N thống nhất số tiền mà bà L đã đóng 02 phần còn lại là 4.900.000 đồng, bà cũng tự nguyện khấu trừ vào số tiền hụi mà bà L đã nợ 19.000.000 đồng,

chỉ yêu cầu bà L trả số tiền 14.100.000 đồng. Bà N cho rằng bà L tự động phá huề của 02 phần hụi còn lại.

[5] Xét thấy, tuy bà N và bà L không thống nhất về N nhân chấm dứt của 02 phần hụi trên nhưng bà N không thu tiền hụi của bà L và bà L không đóng hụi cho bà N nên hai phần hụi này đương nhiên kết thúc và việc kết thúc 02 phần hụi trong dây hụi ngày 10/01/2016 không làm ảnh hưởng đến phần hụi mà bà L đã hốt hụi nên bà L cho rằng không đồng ý trả số tiền 14.100.000 của phần hụi mà bà L đã hốt là không có cơ sở.

[6] Đối với phần trình bày của bà L phải trừ số tiền 8.000.000 đồng tính bằng tiền hụi chết để khấu trừ vào số tiền 19.000.000 đồng. Xét thấy, bà L đóng cho bà N số tiền 4.900.000 đồng và 02 phần hụi này chưa mãn, nên bà L yêu cầu tính số tiền đóng 02 dây hụi bằng hụi chết với số tiền là 8.000.000 đồng là không phù hợp nên không được chấp nhận.

[7] Từ các phân tích, đã xác định được vào năm 2016, bà N có làm chủ 01 dây hụi, bà L là hụi viên, bà L có tham gia chơi hụi do bà N làm chủ là có thật. Quá trình chơi hụi bà N đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người chủ hụi là giao tiền hốt hụi cho hụi viên, nhưng sau khi hốt hụi bà L không đóng tiền hụi cho bà N là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo quy định tại Nghị định số 144/2006/NĐCP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Do đó, bà N yêu cầu bà L trả số tiền nợ hụi là 19.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại phiên tòa, bà N tự nguyện khấu trừ 4.900.000 đồng mà bà L đã đóng, nên chỉ buộc bà L trả cho bà N số tiền 14.100.000 đồng.

[8] Tại phiên tòa hôm nay, bà N không yêu cầu tính lãi, xét đây là sự tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của bà N được chấp nhận nên bà L phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Án phí phải chịu là:

14.100.000 đồng x 5% = 705.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 92, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 479, 305 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị định số 144/2006/NĐCP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc N đối với bà Trương Kim L về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

2. Buộc bà Trương Kim L phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc N số tiền hụi là 14.100.000 đồng. (Mười bốn triệu một trăm ngàn đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu bà L trả lãi số tiền trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ngày bà Trang có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Vân chưa thi hành khoản tiền nêu trên, thì phải chịu lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà Nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Trương Kim L phải chịu 705.000 đồng (Bảy trăm linh năm ngàn đồng).

Hoàn trả bà Nguyễn Thị Ngọc N số tiền 475.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006104 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh BĐ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị Ngọc N được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bà Trương Kim L vắng mặt cũng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo luật định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Văn Tháo

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện BĐ;
- Cơ quan THA huyện BĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.